**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**QUẬN CR**
**THÀNH PHỐ CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DSST.
Ngày: 10.6.2022.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân**.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

Ông **Phạm Văn Vĩ**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Võ Thị Phi Liễu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT*** *tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Văn Quốc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2021/TLST-DS, ngày 17 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "*hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2022/QĐST - DS, ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn***: Ông **Thái Trường Đ**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số 3E2 đường Nguyễn Văn H, khu phố 1, phường TN, thành phố BH, tỉnh ĐN.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn**: Ông **Lê Bá Q**, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Số 9C Nguyễn Văn H, khu phố 1, phường TN, thành phố BH, tỉnh ĐN. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

***Bị đơn***: Bà **Nguyễn Thị Hồng M**, sinh năm: 1969.

HKTT: 74 Nguyễn Văn L, khóm 5, phường 2, thành phố ST.

Địa chỉ tạm trú: 10U3 đường số 5, khu dân cư MN, phường HP, quận CR, thành phố CT. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: **Trần Anh T**, sinh năm: 1968.
Địa chỉ: 32/8/31 Nguyễn Thị Minh K, phường AL (nay là phường TA), quận NK, thành phố CT. (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Đại diện nguyên đơn – ông Lê Bá Q trình bày***: Ngày 12/11/2019 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 1.500.000.000đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích để mua nhà, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay 8 tháng (từ ngày 12/11/2019 đến ngày 12/6/2020). Sau khi nhận đủ số tiền 1.500.000.000 đồng từ ông Đỉnh thì hàng tháng bà M đóng lãi đầy đủ. Nhưng khi đến hạn trả lại số tiền nợ gốc thì bà M nói chưa bán được nhà, hứa hẹn rồi không trả. Do bị đơn cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà M và ông T trả tổng số nợ gốc và lãi tính từ ngày 13/6/2020 đến ngày 13/02/2021 là 1.749.000.000đồng (trong đó: nợ gốc là 1.500.000.000đồng và tiền lãi là 249.000.000đồng). Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 23/11/2021 ông Q đã giảm tiền lãi cho bà M xuống còn 180.000.000đồng do hoàn cảnh bà M đang gặp khó khăn. Nay nguyên đơn yêu cầu bà M và ông T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 22/11/2021 là 1.680.000.000đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.500.000.000đồng và tiền lãi là 180.000.000đồng). Thống nhất thời gian và cách thức trả nợ sẽ do cơ quan thi hành án điều chỉnh.

**** Bị đơn – bà Nguyễn Thị Hồng M trình bày***: Bà thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.500.000.000đồng như nguyên đơn trình bày là đúng và bà cũng đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Do bà đang gặp khó khăn vì chưa bán được căn nhà mà trước đây bà đã vay tiền của ông Đ để mua đầu tư kiếm lời nên đến nay bà vẫn chưa trả được nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn. Nay bà thống nhất với tổng số nợ gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu là 1.680.000.000đồng (trong đó: nợ gốc là 1.500.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/6/2020 đến ngày 22/11/2021 là 180.000.000đồng). Thống nhất thời gian và cách thức trả nợ sẽ do cơ quan thi hành án điều chỉnh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Anh T đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt.*

Do vắng mặt ông Trần Anh T nên Tòa án không thể ra quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

***Tại phiên tòa***:

Người đại diện của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến như sau: Nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là buộc bà M và ông T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 13/6/2020 đến ngày 10/6/2022 là 1.680.000.000đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.500.000.000đồng và tiền lãi là 180.000.000đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất chậm trả kể cả trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và không có văn bản ý kiến thay đổi hay bổ sung ý kiến gì thêm nên xem như vẫn giữ nguyên ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 23/11/2021.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải và công bố chứng cứ. Bà Nguyễn Thị Hồng M có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông Trần Anh T vắng mặt. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Trần Anh T vẫn vắng mặt nên xem như là cố tình. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Anh T. Đồng thời, nguyên đơn và bị đơn cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] ***Về quan hệ pháp luật***: Căn cứ theo đơn khởi kiện và lời trình bày của đương sự để xem xét quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] ***Xét thấy***:

[3.1] Ngày 12/11/2019 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 1.500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 8 tháng (từ ngày 12/11/2019 đến ngày 12/6/2020), mục đích vay là để đầu tư đất kiếm lời. Do bà M đã hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không trả nợ cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Trần Anh T phải trả cho nguyên đơn tổng số nợ gốc là 1.500.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/6/2020 đến ngày 10/6/2022 là 23 tháng 27 ngày nhưng làm tròn thành 23 tháng theo mức lãi suất là 0,83%/tháng x 23 tháng là 286.350.000đồng. Tuy nhiên, bà M đang khó khăn nên nguyên đơn đồng ý giảm tiền lãi cho bà M xuống còn 180.000.000đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Trần Anh T phải trả tổng số nợ gốc và tiền lãi là tính đến ngày 10/6/2022 là 1.680.000.000đồng (trong đó: Nợ gốc 1.500.000.000đồng và tiền lãi là 180.000.000 đồng). Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục tính lãi suất chậm trả, kể cả trong giai đoạn thi hành án. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng M đã thừa nhận có nợ nguyên đơn và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, bị đơn khai rằng việc vay tiền của nguyên đơn là nhằm mục đích đầu tư mua nhà đất là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên nay bị đơn muốn bán tài sản này để trả nợ cho nguyên đơn nhưng phía gia đình chồng của bị đơn ngăn cản ông Trần Anh T gặp bị đơn để làm thủ tục bán tài sản nên đến nay bị đơn mới chưa trả được nợ cho nguyên đơn. Nay bị đơn yêu cầu ông Trần Anh T phải liên đới với bị đơn để trả nợ do đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và mục đích bị đơn vay tiền là để mua nhà và đất có diện tích 48m$^2$ tại thửa đất 319, tờ bản đồ số 30, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02300 cấp ngày 21/01/2020 đứng tên Nguyễn Thị Hồng M. Đất tọa lạc số B7b-55, khu nhà ở thương mại Trần Quang D, đường Trần Quang D, khóm 4, phường 2, thành phố ST, tỉnh ST vì đây cũng là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân được mua từ nguồn tiền vay của nguyên đơn nên ông Trần Anh T cũng phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Ngoài ra, nếu bán tài sản chung của vợ chồng thì phân nửa tài sản của bị đơn không đủ để trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn yêu cầu ông Trần Anh T phải có nghĩa vụ liên đới với bị đơn mới có thể trả hết nợ cho nguyên đơn được.

[3.3] Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 23/11/2021 bà Nguyễn Thị Hồng M thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn và đồng ý trả tổng số nợ là 1.680.000.000 đồng (trong đó: Nợ gốc 1.500.000.000đồng và tiền lãi là 180.000.000đồng. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu ông Trần Anh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ vì việc vay nợ của bị đơn là nhằm mục đích mua sắm tài sản chung của vợ chồng nên đây cũng là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Buộc bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Trần Anh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số nợ gốc và lãi tính từ ngày 13/6/2020 đến ngày 10/6/2022 là 1.680.000.000đồng (trong đó: Nợ gốc 1.500.000.000đồng và tiền lãi là 180.000.000 đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc giảm tiền lãi cho bị đơn và không yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả, kể cả trong giai đoạn thi hành án. Thời hạn và phương thức trả nợ sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT điều chỉnh.

[4] ***Về án phí dân sự sơ thẩm***:

[4.1] Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà M và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 62.400.000đồng.

[4.2] Nguyên đơn được nhận lại 32.795.200đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006942 ngày 11/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH

**Áp dụng:**

- Điều 26, 35, 39, 147, 266, 269, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 280, 357, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về án phí, lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*.

1. *Về nợ*: Bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Trần Anh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn – ông Thái Trường Đ tổng số nợ gốc và lãi là 1.680.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục tính lãi suất chậm trả, kể cả trong giai đoạn thi hành án.

3. Thời hạn và phương thức trả nợ sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ điều chỉnh.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu 62.400.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại 32.795.200đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006942 ngày 11/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- VKSND Q. CR;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Huỳnh Thị Kim Xuân**